

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SA ĐÉC

-----o0o-----

DANH MỤC
KỸ THUẬT TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1461 /QĐ-SYT
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Tháp)*

Năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật
được triển khai thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế, Thông tư Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế về việc Quy định về phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Xét công văn đề nghị số 403/BVĐKSD, ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bệnh viện đa khoa Sa Đéc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được triển khai thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc từ năm 2016 gồm 943 kỹ thuật đúng tuyến, 41 kỹ thuật vượt tuyến theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT và 117 kỹ thuật theo Thông tư số 50/2014/TT-BYT (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế, chuyển tuyến và đề đơn vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Trưởng/Phó các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Canh*

Nơi nhận: *Canh*

- Như Điều 3;
- BHXH Tỉnh;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lâm Thái Thuận
Nguyễn Lâm Thái Thuận

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SA ĐÉC
-----o0o-----

DANH MỤC
KỸ THUẬT TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1461 /QĐ-SYT
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Tháp)

Năm 2016

DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1461 /QĐ-SYT
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Tháp)

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYỂN

STT	TT DM	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
			KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		Chương I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC:				
		A. TUẦN HOÀN:				
1	46	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu	x	x		
		B. HÔ HẤP:				
2	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x	x	x	x
3	148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40	x	x		
4	149	Thủ thuật huy động phế nang 60/40	x	x		
5	150	Thủ thuật huy động phế nang PCV	x	x		
		D. THẦN KINH:				
6	207	Ghi điện não đồ cấp cứu	x	x		
		Chương II. NỘI KHOA:				
		A. HÔ HẤP:				
7	13	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	x	x		
8	15	Đặt catheter qua màng nhĩn giáp lấy bệnh phẩm	x	x		
9	17	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x		
10	25	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	x	x	x	
11	36	Nội soi phế quản dưới gây mê	x	x		
12	39	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/ hóa chất	x	x		
13	43	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản	x	x		
		B. TIM MẠCH:				
14	77	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim	x	x		

15	91	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu đường tĩnh mạch trong kẹt van cơ học	x	x		
16	98	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp	x	x		
17	116	Siêu âm tim 4D	x	x		
		C. THẦN KINH:				
18	131	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối	x	x		
19	145	Ghi điện não thường quy	x	x	x	
20	146	Ghi điện não giấc ngủ	x	x		
21	148	Ghi điện cơ bằng điện cực kim	x	x		
22	154	Siêu âm Doppler xuyên sọ cấp cứu tại giường	x	x		
23	158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	x	x	x	
24	159	Test chẩn đoán nhược cơ bằng điện sinh lý	x	x		
		D. THẬN – TIẾT NIỆU:				
25	168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tự dịch - máu quanh thận/lần	x	x	x	
26	173	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
27	174	Chọc hút dịch nang thận có tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
28	175	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
29	176	Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
30	178	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản	x	x		
31	179	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu	x	x		
32	180	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm	x	x		
33	181	Dẫn lưu nang thận dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
34	182	Dẫn lưu bể thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
35	183	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x		
36	187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x		
37	191	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x		
38	202	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		
39	212	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	x	x		
40	213	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x		
41	214	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể	x	x		
42	216	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang	x	x		
43	217	Nội soi đặt catheter bàng quang niệu quản để chụp UPR	x	x		

44	218	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	x	x		
45	219	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x		
46	220	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).	x	x		
47	221	Nội soi bàng quang	x	x		
48	222	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x		
49	227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	x	x		
50	228	Rút sonde dẫn lưu tự dịch - máu quanh thận	x	x		
51	231	Rút catheter đường hầm	x	x		
		Đ. TIÊU HÓA:				
52	255	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng qua đường mũi	x	x	x	
53	265	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su	x	x		
54	266	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng	x	x		
55	283	Nội soi mật tụy ngược dòng - (ERCP)	x	x		
56	284	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - cắt cơ oddi	x	x		
57	287	Nội soi can thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm	x	x	x	
58	288	Nội soi ổ bụng	x	x		
59	289	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	x	x		
60	290	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa	x	x		
61	292	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su	x	x		
62	293	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	x	x		
63	294	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	x	x		
64	316	Siêu âm Doppler mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	x	x		
65	317	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
66	320	Siêu âm can thiệp - Chọc hút và tiêm thuốc điều trị nang gan	x	x		
67	335	Test thở C14 tìm H.Pylori	x	x		
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP:				
68	340	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	x	x		
69	341	Chọc hút tế bào xương bằng kim nhỏ	x	x		
70	342	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ	x	x		
71	343	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
72	344	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
73	345	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		

74	346	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
75	347	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
76	348	Đo độ nhớt dịch khớp	x	x	x	
77	363	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
78	364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
79	369	Nội soi khớp vai chẩn đoán (có sinh thiết)	x	x		
		Chương III. NHI KHOA:				
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC:				
		A. TUẦN HOÀN				
80	11	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch)	x	x		
81	24	Sốc điện phá rung nhĩ, cơn tim đập nhanh	x	x		
82	48	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp	x	x	x	
		B. HÔ HẤP				
83	55	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh	x	x		
84	69	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	x	x		
85	88	Thăm dò chức năng hô hấp	x	x	x	
86	97	Mở khí quản ngược dòng cấp cứu	x	x	x	
87	98	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩn giáp	x	x	x	
88	116	Thay huyết tương	x	x		
89	126	Thận nhân tạo cấp cứu liên tục	x	x	x	
90	127	Thận nhân tạo thường quy chu kỳ	x	x		
91	128	Bài niệu cưỡng bức	x	x	x	
92	129	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
93	130	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
94	131	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
		D. THẦN KINH				
95	138	Điện não đồ thường quy	x	x		
96	150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	x	x	x	x
97	151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
98	155	Nội soi dạ dày cầm máu	x	x		
99	156	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	x	x		
100	157	Cầm máu thực quản qua nội soi	x	x		
101	158	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	x	x		
102	159	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	x	x		
103	175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x	x	

104	176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hồng tràng	X	X	X	
105	177	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	X	X		
		G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
106	213	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp	X	X	X	
107	215	Đo các chất khí trong máu	X	X	X	
108	219	Phát hiện opiat bằng Naloxone	X	X	X	
		II. TÂM THẦN				
109	236	Sốc điện thông thường	X	X		
110	259	Xử trí người bệnh không ăn	X	X	X	
111	260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	X	X	X	
112	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	X	X	X	X
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
113	351	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	X	X	X	
114	352	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	X	X	X	
115	353	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	X	X	X	
116	354	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	X	X	X	
117	355	Điện nhĩ châm điều trị bại não	X	X	X	
118	356	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	X	X	X	
119	357	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	X	X	X	
120	358	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	X	X	X	
121	359	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứ giác	X	X	X	
122	360	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	X	X	X	
123	361	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	
124	362	Điện nhĩ châm cai thuốc lá	X	X	X	
125	363	Điện nhĩ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	X	X	X	
126	364	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	
127	365	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	X	X	X	
128	366	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	
129	367	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	X	X	X	
130	368	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X	X	
131	369	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	X	X	X	
132	370	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	
133	371	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X	X	
134	372	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	X	X	X	

135	373	Điện nhĩ châm điều trị sụp mí	x	x	x	
136	374	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hồ mắt	x	x	x	
137	375	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
138	376	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
139	377	Điện nhĩ châm điều trị lác	x	x	x	
140	378	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
141	379	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng	x	x	x	
142	380	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
143	381	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	x	x	x	
144	382	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	x	x	x	
145	383	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
146	384	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
147	385	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	
148	386	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
149	387	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
150	388	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
151	389	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	x	x	x	
152	391	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	
153	392	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	
154	393	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
155	394	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
156	395	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
157	396	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu	x	x	x	
158	397	Điện nhĩ châm điều trị bí đại	x	x	x	
159	398	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
160	399	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
161	400	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	
162	401	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
163	402	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	x	x	x	
164	403	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
		D. CÂY CHỈ				
165	404	Cây chỉ điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	
166	405	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
167	406	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
168	407	Cây chỉ điều trị liệt nửa người	x	x	x	
169	408	Cây chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
170	409	Cây chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	

171	410	Cây chỉ điều trị teo cơ	X	X	X	
172	411	Cây chỉ điều trị đau thần kinh tọa	X	X	X	
173	412	Cây chỉ điều trị bại não	X	X	X	
174	413	Cây chỉ điều trị bệnh tự kỷ	X	X	X	
175	414	Cây chỉ điều trị chứng ù tai	X	X	X	
176	415	Cây chỉ điều trị giảm khứu giác	X	X	X	
177	416	Cây chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	X	X	X	
178	417	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	X	X	X	
179	418	Cây chỉ cai thuốc lá	X	X	X	
180	419	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	X	X	X	
181	420	Cây chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	X	X	X	
182	421	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	
183	422	Cây chỉ điều trị động kinh	X	X	X	
184	423	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	X	X	X	
185	424	Cây chỉ điều trị mất ngủ	X	X	X	
186	425	Cây chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	X	X	X	
187	426	Cây chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	X	X	X	
188	427	Cây chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	X	X	X	
189	428	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	X	X	X	
190	429	Cây chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	X	X	X	
191	430	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình	X	X	X	
192	431	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	X	X	X	
193	432	Cây chỉ điều trị thất ngôn	X	X	X	
194	433	Cây chỉ điều trị viêm xoang	X	X	X	
195	434	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	X	X	X	
196	435	Cây chỉ điều trị hen phế quản	X	X	X	
197	436	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	X	X	X	
198	437	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	X	X	X	
199	438	Cây chỉ điều trị đau ngực, sườn	X	X	X	
200	439	Cây chỉ điều trị trĩ	X	X	X	
201	440	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	X	X	X	
202	441	Cây chỉ điều trị đau dạ dày	X	X	X	
203	442	Cây chỉ điều trị nôn, nấc	X	X	X	
204	443	Cây chỉ điều trị dị ứng	X	X	X	
205	444	Cây chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	X	X	X	
206	445	Cây chỉ điều trị thoái hoá khớp	X	X	X	
207	446	Cây chỉ điều trị đau lưng	X	X	X	

208	447	Cây chỉ điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
209	448	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
210	449	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
211	450	Cây chỉ điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	
212	451	Cây chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	x	x	x	
213	452	Cây chỉ điều trị táo bón	x	x	x	
214	453	Cây chỉ điều trị đái dầm	x	x	x	
215	454	Cây chỉ điều trị bí đái	x	x	x	
216	455	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
217	456	Cây chỉ điều trị bướng cổ đơn thuần	x	x	x	
218	457	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
219	458	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
220	459	Cây chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
221	460	Cây chỉ điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	
		Đ. ĐIỆN CHÂM				
222	468	Điện châm điều trị bại não	x	x	x	x
223	469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
224	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
225	471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
226	472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	x
227	473	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
228	474	Điện châm cai thuốc lá	x	x	x	x
229	475	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	x
230	476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
231	477	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	x	x	x	x
232	481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
233	482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
234	483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
235	486	Điện châm điều trị sụp mi	x	x	x	x
236	487	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	x	x	x	x
237	488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
238	489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
239	490	Điện châm điều trị lác	x	x	x	x
240	491	Điện châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
241	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x

242	493	Điện châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
243	494	Điện châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
244	495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
245	496	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x
246	497	Điện châm điều trị nôn nấc	x	x	x	x
247	501	Điện châm điều trị rối loạn trị đại, tiểu tiện	x	x	x	x
248	502	Điện châm điều trị táo bón	x	x	x	x
249	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
250	504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
251	505	Điện châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
252	506	Điện châm điều trị bí đái	x	x	x	x
253	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
254	508	Điện châm điều trị cảm cúm	x	x	x	x
255	510	Điện châm điều trị béo phì	x	x	x	x
256	512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
257	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
258	515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
259	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x
260	520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
261	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
262	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x	x	x
263	528	Điện châm điều trị đau môi cơ	x	x	x	x
264	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
265	508	Điện châm điều trị cảm cúm	x	x	x	x
266	510	Điện châm điều trị béo phì	x	x	x	x
267	512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
268	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
269	515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
270	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x
271	520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
272	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
273	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x	x	x
274	528	Điện châm điều trị đau môi cơ	x	x	x	x
		E. THUỶ CHÂM				

275	532	Thủy châm điều trị liệt	x	x	x	x
276	533	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
277	534	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
278	535	Thủy châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
279	536	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
280	537	Thủy châm điều trị teo cơ	x	x	x	x
281	538	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	x
282	539	Thủy châm điều trị bại não	x	x	x	x
283	540	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
284	541	Thủy châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
285	542	Thủy châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
286	543	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn	x	x	x	x
287	544	Thủy châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
288	545	Thủy châm cai thuốc lá	x	x	x	x
289	546	Thủy châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	x
290	547	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
291	548	Thủy châm điều trị động kinh	x	x	x	x
292	549	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
293	550	Thủy châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
294	551	Thủy châm điều trị stress	x	x	x	x
295	552	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
296	553	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
297	554	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
298	555	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
299	556	Thủy châm điều trị sụp mí	x	x	x	x
300	557	Thủy châm điều trị bệnh hồ mắt	x	x	x	x
301	558	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
302	559	Thủy châm điều trị lác	x	x	x	x
303	560	Thủy châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
304	561	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
305	562	Thủy châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
306	563	Thủy châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
307	564	Thủy châm điều trị viêm xoang	x	x	x	x
308	565	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
309	566	Thủy châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x

310	567	Thuỷ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
311	568	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
312	569	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x
313	570	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
314	574	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
315	575	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
316	576	Thuỷ châm điều trị bệnh vẩy nến	x	x	x	x
317	577	Thuỷ châm điều trị dị ứng	x	x	x	x
318	578	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
319	579	Thuỷ châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
320	580	Thuỷ châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
321	581	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x
322	582	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
323	583	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
324	584	Thuỷ châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
325	585	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
326	586	Thuỷ châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x
327	588	Thuỷ châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x
328	589	Thuỷ châm điều trị táo bón	x	x	x	x
329	590	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
330	591	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
331	592	Thuỷ châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
332	593	Thuỷ châm điều trị bí đái	x	x	x	x
333	594	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
334	595	Thuỷ châm điều trị béo phì	x	x	x	x
335	597	Thuỷ châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
336	600	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
337	601	Thuỷ châm điều trị đau răng	x	x	x	x
338	602	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
		G. XOA BÓP BẨM HUYỆT				
339	613	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
340	614	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
341	615	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
342	616	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
343	618	Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ	x	x	x	x
344	619	Xoa bóp bấm huyết cai thuốc lá	x	x	x	x
345	620	Xoa bóp bấm huyết điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	x

346	622	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
347	623	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	x	x	x	x
348	627	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
349	628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
350	629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
351	631	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	x	x	x	x
352	632	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
353	633	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	x	x	x	x
354	634	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	x
355	635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
356	636	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
357	637	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
358	638	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
359	639	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
360	640	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
361	641	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x
362	643	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x
363	644	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
364	645	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
365	649	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ	x	x	x	x
366	652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	x	x	x	x
367	653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
368	654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
369	655	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta	x	x	x	x
370	656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x
371	657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
372	658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
373	659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
374	660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại	x	x	x	x
375	661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
376	662	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
377	663	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x

378	664	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
379	665	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
380	666	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
381	667	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau răng	x	x	x	x
382	668	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	x	x	x	x
383	669	Xoa bóp bấm huyết điều trị sa trực tràng	x	x	x	x
384	670	Xoa bóp bấm huyết điều trị hysteria	x	x	x	x
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
385	707	Điều trị bằng từ trường	x	x		
386	709	Điều trị bằng laser công suất thấp	x	x		
387	725	Điều trị sẹo bỏng bằng điện phân, điện xung kết hợp với thuốc	x	x		
388	726	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc	x	x		
389	748	Kỹ năng hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ nói	x	x		
390	756	Kỹ năng vận động tinh của bàn tay	x	x		
391	770	Ngôn ngữ trị liệu	x	x	x	
392	782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tủy sống	x	x	x	
393	785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
394	787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x	
395	809	Chườm lạnh	x	x	x	x
396	824	Đắp nóng	x	x	x	x
397	827	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo- massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	x
398	829	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	x	x	x	x
399	844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	x
400	845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	x
401	847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	x
402	858	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	x
403	864	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi	x	x	x	x
404	868	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi	x	x	x	x
405	869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	x	x	x	x
406	870	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	x	x	x	x

407	871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	x
408	872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới	x	x	x	x
409	885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x
410	886	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x
411	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x
412	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x
413	894	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x
414	895	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP				
415	959	Vòng tập khớp vai	x	x		
416	960	Chân giả dưới gối	x	x		
417	971	Các dụng cụ giúp thở	x	x		
418	988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				
419	1036	Nội soi tiêu hoá dưới gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x		
420	1052	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	x	x		
421	1071	Soi trực tràng	x	x		
		E. TIẾT NIỆU				
422	1077	Nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x		
423	1078	Nội soi bàng quang	x	x		
424	1079	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x		
425	1080	Nội soi bàng quang tìm xem đài dưỡng chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để tránh phẫu thuật	x	x		
426	1081	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản	x	x		
427	1085	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x		
428	1086	Nội soi niệu quản sinh thiết	x	x		
429	1087	Nội soi bàng quang sinh thiết	x	x		
		VII. GÂY Mê HỒI SỨC				
430	1367	Lọc máu nhân tạo cấp cứu thường quy	x	x		
431	1400	Kỹ thuật theo dõi et CO ₂	x	x	x	
		VIII. BÔNG				
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BÔNG				

432	1489	Thay băng điều trị bỏng nông, từ 10% đến 20% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
433	1507	Tắm điều trị người bệnh bỏng	x	x		
434	1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x	x	
435	1514	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x	
		B. CÁC KỸ THUẬT TRONG ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MÃN TÍNH				
436	1516	Thay băng điều trị vết thương mãn tính	x	x		
		XIII. NỘI KHOA				
		B. TIM MẠCH – HÔ HẤP				
437	2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
438	2332	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
439	2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
		C. TIÊU HÓA				
440	2335	Đặt dẫn lưu áp xe gan dưới siêu âm	x	x		
441	2337	Đặt dẫn lưu ổ dịch/áp xe ổ bụng sau mổ dưới siêu âm	x	x		
442	2356	Chọc hút áp xe thành bụng	x	x	x	
		E. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
443	2379	Test lấy da với các dị nguyên	x	x		
444	2380	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da	x	x		
445	2383	Test nội bì	x	x	x	x
446	2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	x	x	x	x
		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		A. ĐẦU CỔ				
447	2451	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x		
448	2452	Cắt nang giáp móng	x	x		
449	2455	Cắt u da đầu lạnh, đường kính từ 5 cm trở lên	x	x		
		E. LÒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI				
450	2641	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x		
		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		A. THỦ THUẬT CHĂM SÓC DA ĐIỀU TRỊ VÀ THẨM MỸ				
451	2898	Đắp mặt nạ dưỡng da	x	x	x	
452	2899	Chăm sóc da điều trị	x	x	x	
		XIX. NGOẠI KHOA				
		C. TIÊU HÓA – BỤNG				

		3. Ruột non - ruột già				
453	3310	Phẫu thuật tắc ruột do giun	x	x		
		4. Hậu môn – trực tràng				
454	3341	Phẫu thuật Longo	x	x		
455	3346	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	x	x		
		E. CHÂN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		3. Cánh, cẳng tay				
456	3675	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	x	x		
		10. Nắn - Bó bột				
457	3834	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	x	x		
458	3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
459	3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x	
460	3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x	
461	3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x	
462	3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
463	3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x	
464	3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x	
465	3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	x	x	x	
466	3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x	
467	3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	x	x	x	
468	3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x	
469	3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x	
470	3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x	
471	3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x	
472	3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x	
473	3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x	
474	3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x	x	
475	3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x	x	
476	3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x	
477	3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x	
478	3871	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x	x	
479	3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x	
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		4. Sinh dục, niệu đạo				
480	4136	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc buồng trứng	x	x		
481	4137	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	x	x		

482	4138	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	x	x		
483	4139	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn	x	x		
484	4149	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	x	x		
485	4141	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x		
		Chương V. DA LIỄU:				
486	89	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da	x	x		
		Chương VI. TÂM THẦN:				
		A. TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ				
487	1	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)	x	x		
488	2	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton	x	x		
489	3	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)	x	x		
490	4	Thang đánh giá trầm cảm ở trẻ em	x	x		
491	7	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)	x	x		
492	10	Thang đánh giá lo âu - Hamilton	x	x		
493	16	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)	x	x		
494	17	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)	x	x		
		B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
495	37	Siêu âm doppler xuyên sọ	x	x		
		C. CÁC KỸ THUẬT ĐIỀU TRỊ				
496	42	Sốc điện thông thường	x	x		
		Chương VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN:				
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
497	4	Nhĩ châm	x	x	x	x
498	7	Cấy chỉ	x	x	x	
		D. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
499	162	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
500	163	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
501	164	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
502	165	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
503	166	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	
504	167	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x	
505	168	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	
506	169	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
507	170	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
508	171	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
509	172	Điện nhĩ châm điều trị nôn	x	x	x	

510	173	Điện nhĩ châm điều trị nấc	x	x	x	
511	174	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	x	x	x	
512	175	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan	x	x	x	
513	176	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
514	177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
515	178	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	x	x	x	
516	179	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	
517	180	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
518	181	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
519	182	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
520	183	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	x	x	x	
521	184	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	
522	185	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
523	186	Điện nhĩ châm điều trị di tinh	x	x	x	
524	187	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	x	x	x	
525	188	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
526	189	Điện nhĩ châm điều trị bí đại cơ năng	x	x	x	
527	190	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
528	191	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
529	192	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
530	193	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
531	194	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	x	x	x	
532	195	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
533	196	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
534	197	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
535	198	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
536	199	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
537	200	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
538	201	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	x	x	x	
539	202	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
540	203	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	
541	204	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	

542	205	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
543	206	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
544	207	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	
545	208	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
546	209	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
547	210	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	
548	211	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
549	212	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
550	213	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
551	214	Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu	x	x	x	
552	215	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
553	216	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
554	217	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
555	218	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
556	219	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	x	x	x	
557	220	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
558	221	Điện nhĩ châm điều trị liệt rãnh, đám rối dây thần kinh	x	x	x	
559	222	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	
560	223	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
561	224	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	
562	225	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	
563	226	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	
564	227	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	
		Đ. CÂY CHỈ				
565	228	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
566	229	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
567	230	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
568	232	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	
569	233	Cây chỉ điều trị mày đay	x	x	x	
570	234	Cây chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	x	x	x	
571	235	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
572	236	Cây chỉ điều trị giảm thị lực	x	x	x	
573	237	Cây chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	x	x	x	
574	238	Cây chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
575	239	Cây chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	

576	240	Cây chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	
577	241	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
578	242	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
579	243	Cây chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
580	244	Cây chỉ điều trị nấc	x	x	x	
581	245	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
582	246	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
583	247	Cây chỉ điều trị hen phế quản	x	x	x	
584	248	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
585	249	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
586	250	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	
587	251	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
588	252	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
589	253	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
590	254	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
591	255	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
592	256	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	x	x	x	
593	257	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
594	258	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
595	262	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
596	263	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
597	264	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
598	265	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
599	266	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
600	267	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
601	268	Cây chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
602	269	Cây chỉ điều trị đái dầm	x	x	x	
603	270	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
604	271	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
605	272	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh	x	x	x	
606	274	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
607	275	Cây chỉ điều trị di tinh	x	x	x	
608	276	Cây chỉ điều trị liệt dương	x	x	x	
609	277	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	x	x	x	
		E. ĐIỆN CHÂM				
610	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x

611	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
612	280	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
613	282	Điện châm điều trị cảm mạo	x	x	x	x
614	283	Điện châm điều trị viêm amidan	x	x	x	x
615	285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	x
616	286	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	x	x	x	x
617	287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	x
618	288	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
619	289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
620	290	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
621	291	Điện châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	x
622	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	x
623	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
624	294	Điện châm điều trị sa tử cung	x	x	x	x
625	295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
626	298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
627	299	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
628	302	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x
629	303	Điện châm điều trị đau hồ mắt	x	x	x	x
630	304	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
631	305	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
632	306	Điện châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
633	308	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
634	309	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x
635	310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
636	311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
637	312	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x
638	314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x
639	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
640	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
641	318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
642	321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
		G. THUY CHÂM				
643	326	Thủy châm điều trị nấc	x	x	x	x

644	327	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	X	X	X	X
645	328	Thủy châm điều trị viêm amydan	X	X	X	X
646	329	Thủy châm điều trị béo phì	X	X	X	X
647	331	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	X	X	X	X
648	333	Thủy châm điều trị trĩ	X	X	X	
649	334	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	X	X	X	
650	338	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	X	X	X	X
651	339	Thủy châm điều trị giảm thính lực	X	X	X	
652	340	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	X	X	X	X
653	341	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	X	X	X	
654	342	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	X	X	X	
655	343	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	X	X	X	
656	344	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	X	X	X	
657	345	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ	X	X	X	
658	347	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	X	X	X	X
659	348	Thủy châm điều trị thống kinh	X	X	X	X
660	349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	X	X	X	X
661	350	Thủy châm điều trị đái dầm	X	X	X	X
662	351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
663	354	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	X	X	X	X
664	355	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	X
665	358	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	X	X	X	
666	360	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	X	X	X	
667	361	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	X	X	X	
668	362	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	
669	363	Thủy châm điều trị khàn tiếng	X	X	X	
670	364	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	X	X	X	
671	367	Thủy châm điều trị sụp mi	X	X	X	X
672	368	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	X	X	X	X
673	369	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X	X
674	370	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	X	X	X	X
675	371	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	X
676	372	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	X	X	X	X

677	373	Thủy châm điều trị đau răng	X	X	X	X
678	374	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	X	X	X	X
679	379	Thủy châm điều trị sụp mí	X	X	X	
680	380	Thủy châm điều trị đau hồ mắt	X	X	X	
681	381	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	
682	382	Thủy châm điều trị lác cơ năng	X	X	X	
683	383	Thủy châm điều trị giảm thị lực	X	X	X	
684	384	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	X	X	X	
685	385	Thủy châm điều trị di tinh	X	X	X	
686	387	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	X	X	X	
687	388	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	X	X	X	X
		H. XOA BÓP BẮM HUYỆT				
688	393	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	X	X	X	X
689	394	Xoa bóp bấm huyết điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	X	X	X	X
690	395	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	X	X	X	X
691	398	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất	X	X	X	X
692	399	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	X	X	X	
693	400	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	X	X	X	X
694	401	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác	X	X	X	X
695	403	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện rượu	X	X	X	X
696	404	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	X	X	X	X
697	405	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	X	X	X	X
698	407	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	X	X	X	X
699	411	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	X	X	X	X
700	415	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	X	X	X	X
701	416	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	X	X	X	X
702	417	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng	X	X	X	X
703	418	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực	X	X	X	X
704	419	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	X	X	X	X
705	420	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	X	X	X	X
706	421	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	X	X	X	X
707	422	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	X	X	X	X
708	433	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt	X	X	X	X

709	435	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	x	x	x	x
710	436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
711	437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	x	x	x	x
712	438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
713	440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
714	442	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
715	443	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
716	444	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
717	445	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x
718	446	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
719	447	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	X
720	448	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
721	449	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	X
722	450	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	x	x	x	
		Chương IX. GÂY MÊ HỒI SỨC:				
		A. CÁC KỸ THUẬT				
723	86	Kỹ thuật gây mê ở cổ tay	x	x	x	
724	87	Kỹ thuật gây mê ở khuỷu tay	x	x	x	
		B. GÂY MÊ				
725	1124	Gây mê phẫu thuật mở bao sau	x	x		
726	1288	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang thận	x	x		
727	1522	Gây mê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
		C. HỒI SỨC				
728	1893	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x	x		
729	2022	Hồi sức phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x	
730	2061	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x		
731	2083	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng	x	x		
732	2473	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x		
733	2479	Hồi sức phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x	x	
734	2523	Hồi sức phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x		
	2706	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang thận x	x			
735	2855	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x		

736	2939	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	x	x		
737	2940	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
738	2944	Hồi sức phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	x	x		
739	2958	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	x	x		
740	2959	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x		
741	2960	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x		
742	2970	Hồi sức phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x		
743	2972	Hồi sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x		
744	3014	Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng	x	x		
745	3015	Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x	
746	3018	Hồi sức phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x	
747	3019	Hồi sức phẫu thuật nối vòi tử cung	x	x		
748	3028	Hồi sức phẫu thuật tháo lồng ruột	x	x		
749	3029	Hồi sức phẫu thuật ứ máu kinh	x	x		
750	3033	Hồi sức phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x		
		D. GÂY TÊ				
751	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
752	3110	Gây tê phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x	
753	3258	Gây tê phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x		
754	3270	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x	
755	3287	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x	
756	3367	Gây tê phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	x		
757	3373	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	x	x		
758	3374	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm	x	x		
759	3402	Gây tê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	x		
760	3403	Gây tê phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x		
761	3424	Gây tê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x	
762	3548	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
763	3648	Gây tê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	x		
764	3650	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	x		
765	3715	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
766	3785	Gây tê phẫu thuật KHX gây nèn đốt bàn ngón 5 (bàn	x	x	x	

		chân)				
767	3932	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x		
768	3934	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	x	x		
769	3935	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x		
770	3936	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất	x	x		
771	3973	Gây tê phẫu thuật mở góc tiền phòng	x	x		
772	4152	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến	x	x	x	
		Đ. AN THẦN				
773	4462	An thần bệnh nhân nội soi đường mật	x	x		
774	4473	An thần nội soi buồng tử cung sinh thiết buồng tử cung	x	x		
		Chương X. NGOẠI KHOA:				
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO				
		1. Sọ não				
775	21	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN	x	x		
		2. Phẫu thuật nhiễm trùng				
776	29	Phẫu thuật viêm xương sọ	x	x		
		12. U ngoài sọ				
777	122	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	x	x		
778	124	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ	x	x		
779	125	Phẫu thuật dị dạng mạch máu ngoài sọ	x	x		
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực				
780	154	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	x	x		
781	157	Phẫu thuật điều trị vết thương – chấn thương khí quản cổ	x	x		
782	160	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi	x	x	x	
		2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu				
783	168	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh	x	x		
784	169	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch	x	x		

		chậu				
785	170	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn	x	x		
		6. Lồng ngực				
786		Phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x	x	
787		Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi	x	x	x	
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
		1. Thận				
788	305	Phẫu thuật treo thận	x	x		
789	316	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	x	x		
790	321	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)	x	x		
791	322	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	x	x		
		2. Niệu quản				
792	328	Đặt bộ phận giả niệu quản qua da	x	x		
793	329	Nong niệu quản	x	x		
		5. Sinh dục				
794	409	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)	x	x	x	
		D. TIÊU HÓA				
		2. Dạ dày				
795	464	Phẫu thuật Newmann	x	x	x	
796	468	Cắt thần kinh X siêu chọn lọc	x	x		
		3. Tá tràng				
797	475	Khâu vùi túi thừa tá tràng	x	x		
		4. Ruột non- Mạc treo				
798	505	Các phẫu thuật tá tràng khác	x	x		
		Đ. GAN - MẬT - TỤY				
		1. Gan				
799	607	Cắt lọc nhu mô gan	x	x		
800	617	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x		
		2. Mật				
801	639	Các phẫu thuật đường mật khác	x	x		
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
802	882	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
		17. Nắn- Bó bột				
803	991	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		

		Chương XII. UNG BƯỚU:				
		G. TIÊU HÓA - BỤNG:				
804	237	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	x	x		
		K. VÚ - PHỤ KHOA:				
805	305	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x	
		Chương XIII. PHỤ SẢN:				
		A. SẢN KHOA:				
806	19	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	x	x		
807	27	Forceps	x	x	x	
808	29	Soi ối	x	x	x	
809	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x	
		B. PHỤ KHOA:				
810	97	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)	x	x		
811	120	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	x	x		
812	121	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	x	x		
813	122	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	x	x		
814	123	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	x	x		
815	124	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	x	x		
816	125	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	x	x		
817	126	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	x	x		
818	127	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
819	128	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
820	129	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	x	x		
821	130	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	x	x		
822	133	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	x	x		
823	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	x	x	x	
824	156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	x	x	x	
825	159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x	
826	162	Chọc dẫn lưu dịch cổ tử cung trong ung thư buồng trứng	x	x	x	

827	164	Khám nam khoa	x	x	x	
		C. SƠ SINH:				
828	178	Thay máu sơ sinh	x	x		
829	179	Khám mắt sơ sinh non tháng để tầm soát bệnh lý võng mạc	x	x		
830	180	Bơm Surfactant thay thế qua nội khí quản	x	x		
831	181	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch	x	x		
832	183	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh	x	x		
833	184	Chọc dò màng bụng sơ sinh	x	x		
834	185	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	x	x	x	
835	186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	x	x	x	
836	187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x	x	x	
837	188	Chọc dò tủy sống sơ sinh	x	x	x	
838	189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x	x	x	
839	190	Truyền máu sơ sinh	x	x	x	
840	191	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	x	x	x	
841	192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	x	x	
842	194	Ep tim ngoài lồng ngực	x	x	x	
843	195	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh	x	x	x	
844	199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	x	x	x	x
845	202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x	x	x	x
		E. PHÁ THAI:				
846	232	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	x	x		
847	233	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	x	x		
		Chương XIV. MẮT:				
848	71	Lấy dị vật hốc mắt	x	x		
849	72	Lấy dị vật trong củng mạc	x	x		
		Chương XV. TAI MŨI HỌNG:				
		A. TAI - TAI THẦN KINH:				
850	15	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe não do tai	x	x		
851	18	Phẫu thuật xương chũm trong áp xe não do tai	x	x		
852	37	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	x	x		
853	41	Phẫu thuật tạo hình ống tai ngoài thiếu sản	x	x		
		B. MŨI XOANG:				

854	64	Phẫu thuật nội soi thắt/ đốt động mạch bướm khâu cái	x	x		
855	65	Phẫu thuật thắt động mạch hàm trong	x	x		
856	94	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	x	x		
		C. HỌNG - THANH QUẢN:				
857	148	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	x	x		
858	160	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh	x	x		
859	162	Phẫu thuật nội soi bơm dây thanh (mỡ/Teflon...)	x	x		
860	189	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	x	x		
		D. ĐẦU CỔ:				
861	259	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ	x	x		
		Chương XVI. RĂNG HÀM MẶT:				
		A. RĂNG:				
862	29	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên	x	x		
863	31	Phẫu thuật vật niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính	x	x		
864	32	Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi dính	x	x		
865	36	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
866	44	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x		
867	45	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
868	46	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
869	47	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
870	186	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp	x	x		
871	195	Máng nâng khớp cắn	x	x		
		B. HÀM MẶT:				
872	253	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	x	x		
873	254	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
874	271	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x		
875	272	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
876	275	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
877	276	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		

878	277	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x		
879	278	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
880	281	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x		
881	282	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
882	295	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x		
		Chương XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG:				
883	12	Điều trị bằng Laser công suất thấp	x	x		
884	67	Tập với dụng cụ chèo thuyền	x	x	x	x
		Chương XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP:				
		B. TAI MŨI HỌNG:				
885	6	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm sinh thiết	x	x		
886	11	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết	x	x		
		Đ. TIÊU HÓA - Ổ BỤNG:				
887	58	Nội soi tiêu hoá với gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x		
888	59	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	x	x		
		E. TIẾT NIỆU:				
889	84	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	x	x		
890	85	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		
891	88	Nội soi bàng quang tìm xem đài dương chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để tránh phẫu thuật	x	x		
892	89	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản	x	x		
893	91	Nội soi sinh thiết niệu đạo	x	x		
894	92	Nội soi bàng quang đặt UPR, đặt Catheter niệu quản	x	x		
895	93	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x		
896	94	Nội soi niệu quản sinh thiết	x	x		
		Chương XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG:				
		B. HÔ HẤP:				
897	18	Test giãn phế quản (broncho modilator test)	x	x		
898	19	Đo hô hấp ký	x	x		
899	20	Đo kháng lực đường dẫn khí bằng phế thân ký	x	x		

900	21	Đo nồng độ khí CO trong đường thở	x	x		
901	22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)	x	x	x	
902	23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)	x	x	x	
903	24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)	x	x	x	
		C. THẦN KINH, TÂM THẦN:				
904	34	Đo điện thế kích thích cảm giác	x	x		
905	35	Đo điện thế kích thích giác quan	x	x		
906	36	Đo điện thế kích thích vận động	x	x		
907	40	Ghi điện não đồ thông thường	x	x	x	
		Chương XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU:				
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU:				
908	8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x		
909	23	Định lượng D-Dimer	x	x		
		C. TẾ BÀO HỌC:				
910	126	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	x	x		
911	127	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	x	x		
912	135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	x	x		
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU:				
913	261	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
914	277	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
915	289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
916	303	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
917	307	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
		Chương XXIII. HÓA SINH:				
		A. MÁU:				
918	32	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x		
919	35	Định lượng Calcitonin	x	x		
920	51	Định lượng Cyfra 21- 1	x	x		
921	126	Định lượng Pro-calcitonin	x	x		
922	128	Điện di Protein (máy tự động)	x	x		

923	157	Định lượng Transferrin	X	X		
		B. NƯỚC TIỂU:				
924	183	Định lượng Cortisol	X	X		
925	186	Định lượng Opiate	X	X		
926	187	Định tính Opiate (test nhanh)	X	X	X	X
		Chương XXIV. VI SINH:				
		A. VI KHUẨN:				
		1. Vi khuẩn chung:				
927	4	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	X	X		
928	8	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	X	X		
929	10	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh	X	X		
		B. VIRUS:				
		7. Các virus khác:				
930	254	Rubella virus Ab test nhanh	X	X	X	X
		C. KÝ SINH TRÙNG:				
		2. Ký sinh trùng trong máu:				
931	294	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	X	X	X	
932	296	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	X	X	X	
		D. VI NẤM:				
933	320	Vi nấm test nhanh	X	X	X	X
		Chương XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI:				
		D. BỤNG - TIÊU HÓA:				
		3. Tá tràng:				
934	166	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	X	X		
935	167	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	X	X		
		8. Gan:				
936	263	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	X	X		
937	265	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	X	X		
938	266	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	X	X		
939	267	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	X	X		
940	270	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	X	X		
		Đ. TIẾT NIỆU - SINH DỤC:				
		3. Bàng quang:				

941	390	Nội soi gấp sỏi bàng quang	X	X		
942	391	Nội soi bàng quang tán sỏi	X	X		
		5. Sinh dục, niệu đạo:				
943	408	Nội soi tán sỏi niệu đạo	X	X		

- Tổng cộng 943 kỹ thuật đúng tuyến.

DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1461 /QĐ-SYT
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Tháp)

DANH MỤC KỸ THUẬT VƯỢT TUYỂN

STT	TT DM	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
			KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		Chương III. NHI KHOA:				
		VI. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG:				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG:				
1	699	Laser chiếu ngoài	x			
2	700	Laser điều trị	x			
3	702	Điện vi dòng giảm đau	x			
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP:				
4	909	Chân giả trên gối	x			
5	910	Chân giả tháo khớp hang	x			
6	917	Bó bột cẳng bàn tay không nắn (làm nẹp bàn tay)	x			
7	918	Bó bột cẳng bàn tay có nắn (làm nẹp bàn tay)	x			
8	919	Bó bột cánh cẳng bàn tay không nắn (nẹp bàn tay trên khuỷu)	x			
9	920	Bó bột cánh cẳng bàn tay có nắn (nẹp bàn tay trên khuỷu)	x			
10	926	Nắn bó bột cẳng bàn chân (làm nẹp dưới gối)	x			
11	929	Nẹp bột cẳng bàn chân	x			
12	930	Nẹp bột đùi cẳng bàn chân	x			
13	931	Nẹp bột cẳng bàn tay	x			
14	932	Nẹp bột cánh cẳng bàn tay	x			
15	933	Nẹp chỉnh hình dưới mắt cá	x			
16	934	Nẹp chỉnh hình trên mắt cá/dưới gối không khớp	x			
17	935	Nẹp chỉnh hình dưới gối có khớp	x			
18	945	Nẹp cổ-bàn tay	x			
19	946	Nẹp khuỷu tay không khớp	x			

20	947	Nẹp khuỷu tay có khớp	x			
21	949	Nẹp đỡ cột sống cổ	x			
22	950	Đai cổ cứng	x			
23	951	Nẹp cột sống (áo chỉnh hình cột sống thắt lưng)	x			
24	952	Giày chỉnh hình	x			
		VIII. BÔNG:				
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BÔNG:				
25	1472	Thay băng điều trị bông nông, trên 20% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
26	1473	Thay băng điều trị bông sâu, trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
27	1474	Cắt hoại tử bông sâu kiểu tiếp, trên 3% diện tích cơ thể trở lên ở trẻ em	x			
		Chương X. NGOẠI KHOA:				
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC:				
		1. Thận:				
28	297	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/ có C.Arm	x			
29	298	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/ Laser	x			
		Chương XIII. PHỤ SẢN:				
		E. PHÁ THAI:				
30	229	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	x			
31	230	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	x			
		Chương XVI. RĂNG HÀM MẶT:				
		A. RĂNG:				
32	48	Điều trị tuỷ răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội	x			
33	49	Điều trị tuỷ răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nóng chảy	x			
34	196	Mài chỉnh khớp cắn	x			
		Chương XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP:				
		E. TIẾT NIỆU:				
35	83	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)	x			
		Chương XXI: THĂM DÒ CHỨC NĂNG:				
		B. HÔ HẤP:				
36	15	Đo dung tích khí cặn	x			
37	17	Đo tổng dung lượng phổi	x			
38	25	Nghiệm pháp hô hấp gắng sức	x			

		Chương XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI:				
		A. SỌ NÃO - ĐẦU- MẶT- CỔ				
		1. Sọ não - Đầu - Mặt				
39	1	Phẫu thuật nội soi xoang bướm	x			
40	2	Phẫu thuật nội soi xoang trán	x			
		D. BỤNG – TIÊU HÓA:				
		9. Đường mật:				
41	272	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	x			

- Tổng cộng có 41 kỹ thuật vượt tuyến.

**DANH MỤC
KỸ THUẬT TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1401 /QĐ-SYT
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Tháp)

**DANH MỤC KỸ THUẬT
THÔNG TƯ 50/2014/TT-BYT BỔ SUNG**

STT	MÃ DỊCH VỤ	DANH MỤC KỸ THUẬT:
		I. HỒI SỨC TÍCH CỰC - CHỐNG ĐỘC:
1	50.01.0305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
2	50.01.0306	Đo áp lực của bóng chèn ở bệnh nhân đặt nội khí quản hoặc mở khí quản
3	50.01.0307	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc
4	50.01.0309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở
5	50.01.0310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
6	50.01.0311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
7	50.01.0320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm
8	50.01.0321	Ép tim ngoài lồng ngực bằng máy tự động
9	50.01.0322	Khai thông động mạch vành bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp
10	50.01.0323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm
11	50.01.0333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu
12	50.01.0334	Chăm sóc ống thông bàng quang
13	50.01.0335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc
14	50.01.0336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc
15	50.01.0337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)
16	50.01.0345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc

17	50.01.0351	Nội soi dạ dày-tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực
18	50.01.0355	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu
19	50.01.0356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp
20	50.01.0357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu
21	50.01.0362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc
22	50.01.0363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu
23	50.01.0364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu
24	50.01.0365	Điều trị thải độc chì
25	50.01.0366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi
26	50.01.0367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc
27	50.01.0368	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất
28	50.01.0369	Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu
29	50.01.0380	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)
30	50.01.0382	Điều trị giảm nồng độ natri máu ở bệnh nhân bị rắn cắn nia cắn
		II. NỘI KHOA:
31	50.02.0432	Chọc hút mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
32	50.02.0457	Siêu âm Doppler màu tim gắng sức với Dobutamine
33	50.02.0458	Siêu âm Dopple màu tim gắng sức với xe đạp lực kế
34	50.02.0484	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê
35	50.02.0485	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng quang không sinh thiết)
36	50.02.0486	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê
37	50.02.0487	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm có gây mê
38	50.02.0488	Nội soi bàng quang lấy sỏi, dị vật có gây mê
39	50.02.0490	Nội soi bàng quang và bơm hóa chất có gây mê
40	50.02.0491	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang có gây mê
41	50.02.0492	Nội soi bàng quang có gây mê
42	50.02.0495	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)
43	50.02.0496	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)
44	50.02.0502	Nội soi thực quản dạ dày phóng đại
45	50.02.0503	Test thở C13 tìm Helicobacterpylori
46	50.02.0508	Thay băng vết loét do vỡ hạt tophy
47	50.02.0509	Kỹ thuật truyền một số thuốc sinh học

48	50.02.0510	Tiêm nội khớp: acid Hyaluronic
49	50.02.0589	Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh
50	50.02.0590	Test nội bì nhanh đặc hiệu với thuốc
51	50.02.0591	Test nội bì nhanh đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh
52	50.02.0592	Test nội bì chậm đặc hiệu với thuốc
53	50.02.0593	Test nội bì chậm đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh
54	50.02.0610	Test hồi phục phế quản.
55	50.02.0611	Test kích thích phế quản không đặc hiệu với Methacholine
56	50.02.0613	Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)
57	50.02.0614	Đo dung tích sống gắng sức - FVC
58	50.02.0615	Đo dung tích sống chậm - SVC
59	50.02.0616	Đo thông khí tự nguyện tối đa - MVV
60	50.02.0617	Đo áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP
61	50.02.0618	Đo khuếch tán phổi - Diffusion Capacity
62	50.02.0619	Đo các thể tích phổi - Lung Volumes
63	50.02.0621	Khí máu - điện giải trên máy I-STAT-1 - ABBOTT
64	50.02.0628	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu
65	50.02.0629	Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Stevens -Johnson
66	50.02.0630	Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Lyell
67	50.02.0631	Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Stevens -Johnson
68	50.02.0632	Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Lyell
69	50.02.0633	Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Stevens - Johnson
70	50.02.0634	Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Lyell
71	50.02.0635	Hướng dẫn người bệnh Stevens - Johnson tập co thắt cơ tròn chống dính
72	50.02.0636	Hướng dẫn người bệnh Lyell tập co thắt cơ tròn chống dính
73	50.02.0637	Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường miệng
74	50.02.0638	Nuôi dưỡng người bệnh Lyell qua đường miệng
75	50.02.0639	Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường tĩnh mạch
76	50.02.0640	Nuôi dưỡng người bệnh Lyell qua đường tĩnh mạch
77	50.02.0641	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều
78	50.02.0643	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản
79	50.02.0644	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Luput ban đỏ hệ thống
80	50.02.0645	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Xơ cứng bì
81	50.02.0646	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản
82	50.02.0647	Vỗ rung cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống
83	50.02.0648	Vỗ rung cho người bệnh Xơ cứng bì

84	50.02.0649	Tập vận động cho người bệnh Xơ cứng bì
85	50.02.0650	Xoa bóp cho người bệnh Xơ cứng bì
		III. NHI KHOA:
86	50.03.4171	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong và dưới đòn Sơ sinh
87	50.03.4184	Gây mê thay băng bỏng
88	50.03.4191	Theo dõi tim thai
89	50.03.4193	Đo độ bão hòa oxy máu qua da
90	50.03.4197	Test lấy da với vaccin
91	50.03.4198	Test dưới da với thuốc
92	50.03.4199	Test dưới da với vaccin
93	50.03.4206	Giảm mẫn cảm với thuốc uống
94	50.03.4207	Giảm mẫn cảm với thuốc tiêm
95	50.03.4208	Giảm mẫn cảm với thức ăn
96	50.03.4209	Giảm mẫn cảm với sữa
97	50.03.4214	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều
98	50.03.4221	Thay băng và thay kim buồng tiêm
99	50.03.4222	Thay băng buồng tiêm
100	50.03.4246	Tháo bột các loại
101	50.03.4248	Siêu âm tim Doppler
102	50.03.4252	Siêu âm tim thai qua thành bụng
		V. DA LIỄU:
103	50.05.0090	Phẫu thuật sùi mào gà đường kính 5 cm trở lên
104	50.05.0091	Chăm sóc người bệnh bị pemphigoid, hồng ban đa dạng, Durhing Brocq....
105	50.05.0118	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật tay
106	50.05.0119	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật chân
107	50.05.0121	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân xơ cứng bì
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN:
108	50.08.0483	Xoa bóp bấm huyết bằng tay
109	50.08.0484	Xoa bóp bấm huyết bằng máy
110	50.08.0485	Giác hơi
111	50.08.0486	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT
		XIV: MẮT:
112	50.14.0288	Test lấy bì
113	50.14.0289	Test nội bì
114	50.14.0290	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
115	50.14.0291	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch

		XVI. RĂNG HÀM MẶT:
116	50.16.0348	Phẫu thuật tháo nẹp, vít
		XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP:
117	50.20.0107	Nội soi bàng quang có can thiệp

- Tổng cộng: 117 kỹ thuật bổ sung theo Thông tư 50/2014/TT-BYT.